TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **17**/2018/HS-ST
Ngày: 22 - 5 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: + Bà **Hồ Thị Hồng Liên**
+ Bà **Lê Thị Sáu**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông **Lê Hữu Việt Phú**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2017/TLST- HS ngày 15 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; Tên gọi khác: H Xuyến; Sinh năm: 1974; Nơi sinh: Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C1 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị M1, sinh năm: 1950; Vợ: Nguyễn Thị V1, sinh năm: 1975; Có 02 con, sinh năm 2001 và 2008. Tiền án: + Tại Bản án số 67/2011/HSST ngày 09/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ theo quy định tại Điều 257 BLHS, thời hạn chấp hành án từ ngày 31/3/2011; + Tại bản án số 40/2012/HSST ngày 31/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 05 năm tù về tội Hủy hoại rừng, thời hạn tù tính từ ngày 31/03/2012. Tại bản án số 81/HSPT ngày 18/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt Nguyễn Văn H 03 năm 06 tháng tù. Đến ngày 29/8/2014 Nguyễn Văn H chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội tính đến thời điểm phạm tội ngày 02/7/2017 bị cáo đã được xóa án tích. Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: **Nguyễn Hữu L**; Tên gọi khác: L chèo; Sinh năm: 1985; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn Đông La I, xã Đ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu C2 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị M2, sinh năm: 1963; Vợ: Tống Thị V2, sinh năm: 1990 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2010; Tiền án: + Tại Bản án số 67/2011/HSST ngày 09/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ theo quy định tại Điều 257 BLHS, thời hạn chấp hành án từ ngày 31/3/2011; + Tại Bản án số 38/2012/HSPT ngày 30/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo Nguyễn

Hữu L 07 năm tù về tội Hủy hoại rừng, buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/03/2011. Bị cáo chấp hành án đến ngày 31/8/2015 được đặc xá ra tù trước thời hạn, theo giấy chứng nhận đặc xá số 428/GCNĐX ngày 31/8/2015 của Trại Giam Đại Bình –Tổng cục VIII. Tính đến thời điểm phạm tội ngày 02/7/2017 bị cáo chưa được xóa án tích. Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3- Họ và tên: **Trương Văn C**; Tên gọi khác: C mường; Sinh năm: 1993; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT: Thôn 11, xã X, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Nơi ở hiện nay: Số 76 đường Nguyễn Khuyến, Phường 2, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn C3, sinh năm: 1964; Con bà: V Thị M3, sinh năm: 1962; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4- Họ và tên: **Trần Tân Th**; Tên gọi khác: Chuối; Sinh năm: 1987; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Số 875 đường Nguyễn Văn Cừ, phường S, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: thợ cơ khí; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Trọng C4, sinh năm: 1961; Con bà: Đinh Thị Thanh M4, sinh năm: 1965; Vợ: Nguyễn Hoàng Kiều V4, sinh năm: 1991; Con: có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5- Họ và tên: **Lê Phương K**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1999; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn Đức Giang, xã Đ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: thợ khoan giếng; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Tuấn C5, sinh năm: 1963; Con bà: Võ Thị M5, sinh năm: 1975; Vợ con: chưa có; Tiền án: Tại bản án số 06/2016/HSST ngày 06/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày 06/4/2016 về tội Trộm cắp tài sản. Tính đến thời điểm phạm tội ngày 02/7/2017 bị cáo chưa được xóa án tích; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/8/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6- Họ và tên: **Nguyễn Tất Th1**; Tên gọi khác: Th1 nhóc; Sinh năm: 1998; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 11, xã Z, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: phụ xe; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C6, sinh năm: 1970; Con bà: Doãn Thị M6, sinh năm: 1974; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa cho bị cáo:***

- Bà **Hồ Thị P**, Luật sư Văn phòng luật sư S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H. *Có mặt.*

- Ông **Vũ Văn P1**, Luật sư Văn phòng luật sư Vũ Văn P1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng bào chữa cho bị cáo Trần Tân Th và bị cáo Lê Phương K. *Có mặt.*

**** Bị hại:***

Chị **Hoàng Thị Q** sinh năm: 1978

Trú tại: Thôn 5, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của chị Q: Anh **Nguyễn Văn R** sinh năm: 1973

Trú tại: Thôn 5, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

Anh **Phạm Nguyên V** sinh năm: 1986

Trú tại: Tổ 1, Thị trấn G, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 01/7/2017, Nguyễn Hữu L (chèo) được Nguyễn Văn C3 (1978), NKTT: Thôn 9, xã T, huyện D nhờ giúp giải quyết tranh chấp đất. Đến sáng ngày 02/7/2017, L rủ Trương Văn C tìm kiếm thêm vài người nữa để cùng đi giải quyết tranh chấp đất thì được C đồng ý. Sau đó, Nguyễn Hữu L đi cùng với Trần Tân Th (chuối) đến thuê 01 xe ô tô Innova 7 chỗ của anh Phạm Nguyên V (1986), HKTT: Tổ 1, Thị trấn G, huyện B, Lâm Đồng rồi cùng đến phòng trọ của C ở Thành phố Y và đón thêm Nguyễn Tất Th1 (Th1 nhóc) được C rủ đến. Sau đó, L cùng Th chuối; C; Th1 nhóc đi vào xã Đ, huyện B. Trên đường đi thì đón thêm Trần Đức Hiếu; SN: 1998, HKTT: 40/5 Nguyễn Đình Chiểu, phường S, Thành phố Y; Lê Phương K và Đỗ Tiến Đạt (2001), HKTT: Thôn 14, xã X, huyện D, Lâm Đồng để cùng đi vào nhà ông C3 tại xã T, huyện D. Đồng thời, khi đi thì L ghé quán tạp hóa mua 04 con dao phát để phòng thân khi đi giải quyết tranh chấp đất cho ông C3.

Đến khoảng 10h00’ ngày 02/7/2017 nhóm của L đến nhà ông C3 nói chuyện, rồi cùng đến chỗ đất có tranh chấp để xem, rồi cả nhóm quay lại về nhà ông C3 nhậu, tại đây ông C3 có đưa trả cho L số tiền 7.000.000đ tiền công. Khi nhậu thì có Lã Bình Định; SN: 1987, HKTT: thôn Khánh Thượng, xã Đ, huyện B, Lâm Đồng đến nhà ông C3 cùng ngồi nhậu, giữa Nguyễn Hữu L và Lã Bình Định có nói chuyện về giải quyết đất của ông C3 thì xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, Định về nhà lấy dao quay lại để đánh L thì bị nhóm của L đuổi đánh nên Định bỏ chạy. L được biết Định là đàn em của Nguyễn Văn H (H Xuyến) nên L nói cả nhóm đến nhà H Xuyến để gọi Định ra nói chuyện. Khi đó, L cùng với C; Th chuối; Th1 nhóc; K; Đạt đến nhà H Xuyến. Tại nhà Nguyễn Văn H thì cả nhóm ngồi cùng bàn uống nước với H, sau đó L nói chuyện mâu thuẫn với Định thì được H gọi Định đến nhà. Khi Định đến thì giữa L và Định tiếp tục xảy ra mâu thuẫn đánh nhau nên Định bỏ chạy về.

Khi đó cả nhóm ngồi tại bàn uống nước, L hỏi H về việc hơn 100 giang hồ kéo đến nhà H trước đó thì được H cho biết việc này có liên quan đến vợ chồng Nguyễn Văn R, Hoàng Thị Q. Sau đó H nói với L về mảnh đất mà R Q và L đã khai phá trước đây, rồi L phải đi tù thì vợ chồng R Q đã chiếm trồng cà phê, H nói L *"Đất của mày, vào chặt cà phê lấy lại đất mà làm"*. L nói *“đi từ D vào thì L không biết đường đi”* thì H lấy một tờ giấy vẽ chỉ đường cho L đi vào vườn cà phê của R Q rồi đưa cho L tờ giấy vẽ sơ đồ và nói với L có Như, Năng (đàn em của H) ở trong đó sẽ hỗ trợ. Bực tức vì trước đó L đã đòi chia đất nhưng R Q không chịu và khi nghe H kích động L nói C; Th1 nhóc; Th chuối; K; Đạt lên xe cùng đi vào vườn cà phê phụ L chặt cà phê của Q để lấy lại đất thì được cả nhóm đồng ý. L theo bản vẽ chỉ dẫn đường đi của H, đồng thời trên đường đi gọi điện thoại cho H để H chỉ đường vào vườn cà phê của bà Hoàng Thị Q tại khoảnh 2 tiểu khu 613 Thôn 6, xã Lộc Phú, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Khi vào gần đến nơi C ở lại quay đầu xe ô tô và xuống sau, còn L; Th1 nhóc; Th chuối; K; Đạt cầm dao phát xuống vườn cà phê thì gặp Lâm Thanh Li (1977), NKTT: xã Phước Hà, huyện Thuận Nam, Bình Thuận, là người làm thuê cho Q hỏi Li để

xác định vườn và ranh giới vườn cà phê của bà Q. Khi được Li chỉ dẫn chính xác vườn của Q thì L nói cả nhóm cùng vào chặt cà phê. C lúc này đi sau cũng xuống chòi lấy thêm 01 dao rựa vào cùng chặt phá cây cà phê được khoảng 30 phút được 311 (*ba trăm mười một*) cây cà phê thì ngưng không chặt nữa. Rồi cả nhóm lên xe đi về, trên đường về L điện thoại nói cho H biết chặt phá được khoảng 3 sào cà phê, H nói *"Vậy được rồi, về đi"* và dặn thêm *"không có cho V1 biết và đừng nói cho ai biết".* Sau đó, cả nhóm đi về, trên đường về thì L trả tiền công đưa cho K và Đạt số tiền 500.000đ; đưa cho Th chuối số tiền 500.000đ; đưa cho C và Th1 nhóc số tiền 1.000.000đ.

Tại kết quả định giá tài sản số 68/CV - KLĐG ngày 13/09/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 311 cây Robusta, trồng 04 năm, cà phê kinh doanh loại A, giá trị thiệt hại 50% là 27.523.500đ.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT- VKS ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 về tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng; Về phần tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Đại diện Viện kiểm sát rút tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (*tái phạm*) quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Phương K, bổ sung tình tiết giảm nhẹ (*phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*) quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật tố sự năm 1999 đối với bị cáo Trương Văn C). Đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 phạm tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*";

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 15 tháng đến 18 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L từ 15 tháng đến 18 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn C từ 10 tháng 04 ngày tù đến 12 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Tân Th từ 10 tháng 01 ngày tù đến 12 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Phương K từ 12 tháng đến 15 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Tất Th1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

+ Các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo Nguyễn Văn H không thừa nhận bị cáo là người chủ mưu, xúi giục các bị cáo khác phạm tội.

+ Luật sư Hồ Thị P bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H cho rằng tài sản bị hư hỏng là cây cà phê do bị hại trồng trên đất lâm nghiệp, đất rừng nên đó là tài sản bất hợp pháp. Các bị cáo bị truy tố về tội danh này coi như Nhà nước bảo vệ tài sản bất hợp pháp của bị hại. Vì vậy Luật sư cho rằng bị cáo H không phạm tội Cố ý làm hư hỏng tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H không phạm tội và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

+ Luật sư Vũ Văn P1 bào chữa cho bị cáo Trần Tân Th và bị cáo Lê Phương K cho rằng cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên do hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn… bị cáo Trần Tân Th phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Tân Th và bị cáo Lê Phương K.

+ Bị hại anh Nguyễn Văn R chỉ yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 27.523.500đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

+ Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội là sai.…do đó các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 thể hiện:

Vào khoảng 10h00’ ngày 02/07/2017 Nguyễn Hữu L thuê xe ô tô biển số 49A-158.96 mang theo dao phát do L mua cùng với Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1, Đỗ Tiến Đạt đến giải quyết mâu thuẫn tranh chấp đất giùm cho gia đình ông Nguyễn Văn C3 ở Thôn 9, xã T, huyện D thì có xô xát đánh nhau với Lã Bình Định. Đến khoảng 15h00’ cùng ngày L cùng Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1, Đỗ Tiến Đạt đến nhà Nguyễn Văn H ở Thôn 5, xã T, huyện D gặp Định để giải quyết mâu thuẫn thì tiếp tục xảy ra xô xát nên Định bỏ đi về. Lúc này, L và H nói chuyện với nhau về mảnh đất mà R, L đã khai phá trước đây mà L phải đi tù năm 2011 nhưng không được chia đất (hiện R Q đã trồng cây cà phê) và H nói L vào chặt phá cà phê lấy lại đất rồi vẽ sơ đồ chỉ dẫn đường đi đưa cho L. Do bực tức vì trước đó đã hỏi R nhưng không được R trả đất đồng thời khi nghe H nói thì L rủ Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1, Đỗ Tiến Đạt đi xe ô tô biển số 49A-158.96 mang theo dao đã mua trước

đó vào khu vực H chỉ tại Lô b, Khoảnh 2, Tiểu khu 613, xã Lộc Phú, huyện B chặt phá 311 cây cà phê của gia đình chị Hoàng Thị Q, gây thiệt hại với tổng giá trị thiệt hại được kết luận là 27.523.500đ.

Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo thực hiện tội phạm là ít nghiêm trọng do cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo đều nhận thức và biết được rằng hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng cho các bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy rằng: Nguyễn Văn H là người chủ mưu, đã xúi giục và chỉ dẫn đường đi để các bị cáo còn lại thực hiện hành vi phạm tội. Còn bị cáo Nguyễn Hữu L là người rủ rê các bị cáo còn lại thực hiện tội phạm và là người thực hiện hành vi phạm tội rất tích cực. Do đó mức hình phạt của bị cáo H và bị cáo L là tương đương nhau. Các bị cáo Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 khi được L rủ nhưng không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng mà cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương đương nhau là phù hợp.

Trong vụ án này còn có Đỗ Tiến Đạt, sinh ngày 12/10/2001 cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội (02/7/2017), Đạt chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại Điều 143 BLHS. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã xử lý hành chính theo quy định.

Đối với anh Phạm Nguyên V cho L và đồng bọn thuê xe ô tô hiệu Toyota Innova 7 chỗ, biển số 49A-158.96 nhưng anh V không biết L và đồng bọn thuê xe để đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT không xử lý đối với anh V là thỏa đáng.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hữu L đã có tiền án nhưng chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm do đó bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo và gia đình đã bồi thường một phần thiệt hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo Trần Tân Th, Nguyễn Tất Th1, Trương Văn C phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo Nguyễn Văn H có bố Nguyễn Văn C1, mẹ Nguyễn Thị M1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, bị cáo Nguyễn Tất Th1 sau khi phạm tội ra đầu thú; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị hại Hoàng Thị Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng thiệt hại là 150.000.000đ. Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B thì giá trị thiệt hại là 27.523.500đ. Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn R- chồng chị Q được chị Q ủy quyền hợp lệ tham gia phiên tòa chỉ yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền thiệt hại theo kết quả định giá. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 27.523.500đ là phù hợp.

Hiện các bị cáo và gia đình đã nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện B để khắc phục hậu quả là 30.000.000đ, gồm: chị Nguyễn Thị V1 (vợ bị cáo Nguyễn Văn H) nộp 10.000.000đ; bà Đinh Thị Thanh M4 (mẹ của bị cáo Trần Tân Th) nộp 4.000.000đ; chị Nguyễn Thị M2 (mẹ bị cáo Nguyễn Hữu L) nộp 4.000.000đ; chị Trương Thị F (người nhà bị cáo Trương Văn C) nộp 4.000.000đ; bà Doãn Thị M6 (mẹ bị cáo Nguyễn Tất Th1) nộp 4.000.000đ; bà Võ Thị M4 (mẹ bị cáo Lê Phương K) nộp 4.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo H yêu cầu chia đều số tiền bồi thường cho các bị cáo là hoàn toàn phù hợp, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 4.587.250đ. Như vậy, các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 587.250đ; Bị cáo Nguyễn Văn H được nhận lại số tiền 5.412.750đ do nộp thừa nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện B tạm giữ: 01 con dao rựa phát dài 75cm, cán tre tròn, đường kính 2,5cm, phần cán tre dài 50cm, phần lưỡi dao màu đen dài 25cm; 01 con dao quắm dài 47cm, cán dao bằng gỗ tròn đường kính 3cm, dài 25cm, phần lưỡi dao màu đen, hình lưỡi quắn có mũi nhọn, lưỡi dao dài 22cm; 01 con dao rựa phát dài 51cm, cán dao bằng gỗ tròn, đường kính 03cm, dài 28cm, phần lưỡi dao màu đen dài 23cm; 01 con dao Thái lan dài 33cm, lưỡi dao inox, phần lưỡi dao dài 20cm, có mũi nhọn, loại dao 01 lưỡi, bản dao rộng 05cm, cán dao bằng nhựa dài 13cm; 01 con dao phát dài 45cm, phần cán dao dài 20cm bằng tre, đường kính 2,5cm có mũi nhọn phần rộng nhất của bản lưỡi dao là 04cm. Toàn bộ các vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các vật chứng đã thu giữ của Nguyễn Văn H gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số Imei 1: 359732067191366, số Imei 2: 359732067191374, có số thuê bao sim 1: 0966679809, số thuê bao sim 2: 0918500663; 01 điện thoại Nokia màu đen không rõ màn hình, không kiểm tra thông tin; 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng, số Imel 355673071197912, số thuê bao 090096374; 01 chứng minh nhân dân số 250786818 mang tên Nguyễn Văn H cấp ngày 20/9/2017; 01 thẻ ATM của Ngân hàng ACB mang tên Nguyễn Văn H, số thẻ 9704162005623580; 01 đăng ký xe ô tô số 004185, tên chủ xe Nguyễn Văn H, số đăng ký xe 49A-04520; 01 máy tính Laptop hiệu AUS model F555L; 01 đầu thu hiệu Nichietsa, model NVR-16EF/VN. Xét thấy các giấy tờ, tài liệu tạm giữ trong quá trình bắt khẩn cấp, khám xét nơi ở của Nguyễn Văn H, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của các bị cáo trong vụ án này. Do vậy, cơ quan CSĐT tách ra hồ sơ khác để tiếp tục xác minh điều tra làm rõ là phù hợp.

- Đối với các vật chứng đã thu giữ của Trương Văn C gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu vàng đồng, số Imei 352001064929393, có gắn sim 0989207850; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 220 màu vàng, số Imei 353056061861444, gắn sim 0869102434; 01 ví da màu đen; 01 CMND số 250885723 cấp ngày 25/7/2014; 01 giấy phép lái xe số 7901120140145 hạng FC; 01 giấy phép lái xe số 790155050864 hạng C, 01 giấy

phép lái xe số AY 628080 hạng A1. Quá trình điều tra xác định các giấy tờ, tài liệu này không liên quan đến hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của các bị cáo trong vụ án này nên trả lại cho bị cáo Trương Văn C là phù hợp.

- Đối với các vật chứng đã thu giữ của Nguyễn Hữu L gồm: 01 điện thoại di động M717 hiệu Connsplld màu đen, số Imei 820130001203515, có sim 01885614501; 01 CMND số 250610282 mang tên Nguyễn Hữu L; 01 giấy phép lái xe số 680160007345 mang tên Nguyễn Hữu L. Quá trình điều tra xác định các giấy tờ, tài liệu này không liên quan đến hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của các bị cáo trong vụ án này nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu L là phù hợp.

- Đối với vật chứng đã thu giữ của Lê Phương K gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 110, màu đen. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của các bị cáo trong vụ án này nên trả lại cho bị cáo Lê Phương K là phù hợp.

- Đối với các vật chứng đã thu giữ của Phạm Nguyên V gồm: 01 điện thoại cảm ứng hiệu Nokia, màu đen số Imei 354227069999408; 01 xe ô tô hiệu Toyota Innova 7 chỗ màu ghi bạc, biển số 49A-158.96; 01 đăng ký xe ô tô bản phô tô công chứng, biển số 49A-158.96 tên chủ xe Trần Thị Diễm M; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô Toyota Innova biển số 49A-158.96, bản chính; 01 bảo hiểm xe ô tô Toyota Innova biển số 49A-158.96 tên chủ xe Trần Thị Diễm M. Toàn bộ các tài sản này đã được VKSND tỉnh Lâm Đồng trả lại cho anh Phạm Nguyên V. Anh V không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với số tiền 2.800.000đ tạm giữ của Nguyễn Hữu L và số tiền 1.195.000đ tạm giữ của Trương Văn C đã được nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Số tiền này không liên quan gì đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo L và bị cáo C là phù hợp. Tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án của hai bị cáo này.

(*Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng)*.

Đối với số tiền 7.000.000đ mà anh C3 trả cho bị cáo L. Tuy nhiên số tiền này không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu anh C3 có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*" buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 phạm tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2017;

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu L 18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017;

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Trương Văn C 10** (mười) tháng **04** (bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017;

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trương Văn C, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Trần Tân Th 10** (mười) tháng **01** (một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2017;

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Tân Th, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Lê Phương K 12** (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2017;

Áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn Tất Th1 10** (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Q số tiền là 4.587.250đ, sau khi trừ đi số tiền đã nộp bồi thường thì các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Hoàng Thị Q số tiền 587.250đ;

Bị cáo Nguyễn Văn H được nhận lại số tiền 5.412.750đ do nộp thừa nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao rựa phát dài 75cm, cán tre tròn, đường kính 2,5cm, phần cán tre dài 50cm, phần lưỡi dao màu đen dài 25cm; 01 con dao quắm dài 47cm, cán dao bằng gỗ tròn đường kính 3cm, dài 25cm, phần lưỡi dao màu đen, hình lưỡi quắn có mũi nhọn, lưỡi dao dài 22cm; 01 con dao rựa phát dài 51cm, cán dao bằng gỗ tròn, đường kính 03cm, dài 28cm, phần lưỡi dao màu đen dài 23cm; 01 con dao Thái lan dài 33cm, lưỡi dao inox, phần lưỡi dao dài 20cm, có mũi nhọn, loại dao 01 lưỡi, bản dao rộng 05cm, cán dao bằng nhựa dài 13cm; 01 con dao phát dài 45cm, phần cán dao dài 20cm bằng tre, đường kính 2,5cm có mũi nhọn phần rộng nhất của bản lưỡi dao là 04cm;

- Đối với các vật chứng đã thu giữ của Nguyễn Văn H gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số Imei 1: 359732067191366, số Imei 2: 359732067191374, có số thuê bao sim 1: 0966679809, số thuê bao sim 2: 0918500663; 01 điện thoại Nokia màu đen không rõ màn hình, không kiểm tra thông tin; 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng, số Imel 355673071197912, số thuê bao 090096374; 01 chứng minh nhân dân số 250786818

mang tên Nguyễn Văn H cấp ngày 20/9/2017; 01 thẻ ATM của Ngân hàng ACB mang tên Nguyễn Văn H, số thẻ 9704162005623580; 01 đăng ký xe ô tô số 004185, tên chủ xe Nguyễn Văn H, số đăng ký xe 49A-04520; 01 máy tính Laptop hiệu AUS model F555L; 01 đầu thu hiệu Nichietsa, model NVR-16EF/VN. Xét thấy các giấy tờ, tài liệu tạm giữ trong quá trình bắt khẩn cấp, khám xét nơi ở của Nguyễn Văn H, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của các bị cáo trong vụ án này. Do vậy, cơ quan CSĐT tách ra hồ sơ khác để tiếp tục xác minh điều tra làm rõ là phù hợp.

- Trả lại cho bị cáo Trương Văn C: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu vàng đồng, số Imei 352001064929393, có gắn sim 0989207850; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 220 màu vàng, số Imei 353056061861444, gắn sim 0869102434; 01 ví da màu đen; 01 CMND số 250885723 cấp ngày 25/7/2014; 01 giấy phép lái xe số 7901120140145 hạng FC; 01 giấy phép lái xe số 790155050864 hạng C, 01 giấy phép lái xe số AY 628080 hạng A1;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu L: 01 điện thoại di động M717 hiệu Connsplld màu đen, số Imei 820130001203515, có sim 01885614501; 01 CMND số 250610282 mang tên Nguyễn Hữu L; 01 giấy phép lái xe số 680160007345 mang tên Nguyễn Hữu L;

- Trả lại cho bị cáo Lê Phương K: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 110, màu đen.

- Đối với các vật chứng đã thu giữ của Phạm Nguyên V gồm: 01 điện thoại cảm ứng hiệu Nokia, màu đen số Imei 354227069999408; 01 xe ô tô hiệu Toyota Innova 7 chỗ màu ghi bạc, biển số 49A-158.96; 01 đăng ký xe ô tô bản phô tô công chứng, biển số 49A-158.96 tên chủ xe Trần Thị Diễm M; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô Toyota Innova biển số 49A-158.96, bản chính; 01 bảo hiểm xe ô tô Toyota Innova biển số 49A-158.96 tên chủ xe Trần Thị Diễm M. Toàn bộ các tài sản này đã được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng trả lại cho anh Phạm Nguyên V. Tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt nhưng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh V không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu L số tiền 2.800.000đ và trả lại cho bị cáo Trương Văn C số tiền 1.195.000đ.

Toàn bộ các tài sản trả lại cho các bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

(*Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng)*.

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn* đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Văn C, Trần Tân Th, Lê Phương K, Nguyễn Tất Th1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn* đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (22/5/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng*;
- *VKSND, CA huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Bị cáo, những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Đức Trường